



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

---

# THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG V/2019



HÀ NỘI, THÁNG VI/2019

## LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.37733372; 024.37733090-407

Fax: 024.38358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG V/2019 .....	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ .....	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ .....	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên .....	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
V. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG V/2019.....	13
1. Đối với cây lúa .....	13
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp .....	15
VI. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VI-VIII NĂM 2019 .....	17
V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ .....	17
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	18

## I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG V/2019

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng V/2019 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ( $0,3^{\circ}\text{C}$  đến  $3,3^{\circ}\text{C}$ ) ngoại trừ một số khu vực thuộc vùng Đông Bắc có nhiệt độ thấp hơn TBNN từ  $-1,0$  đến  $-0,3^{\circ}\text{C}$  (hình 10).

Hầu hết các khu vực có lượng mưa xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ  $-146\text{mm}$  đến  $313\text{mm}$ . (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-146$  giờ đến  $79$  giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-109\%$  đến  $8\%$ ).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng V/2019 ở từng vùng của nước ta như sau:

### 1. Vùng Tây Bắc

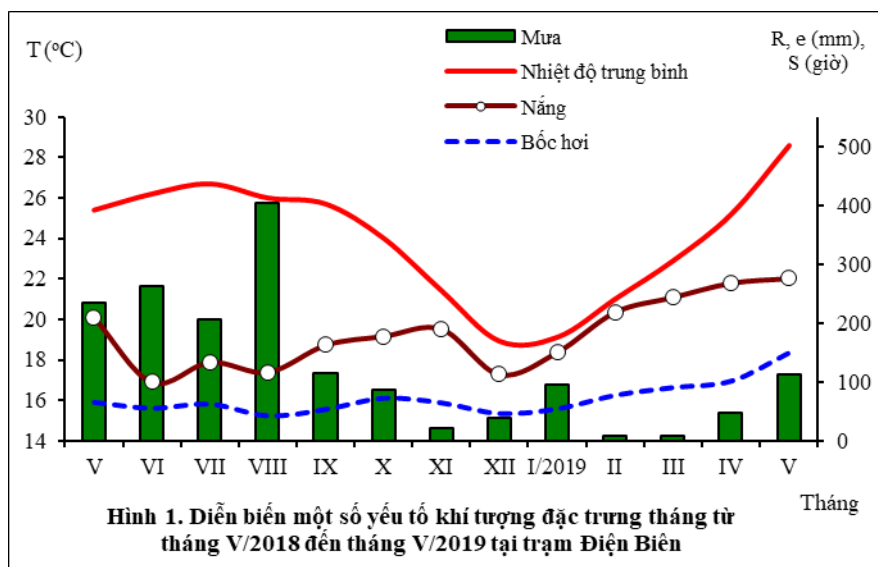
#### 1.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ  $0,3$  đến  $3,3^{\circ}\text{C}$ ; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ  $21,3^{\circ}\text{C}$  đến  $29,3^{\circ}\text{C}$  (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ  $18,2^{\circ}\text{C}$  đến  $24,8^{\circ}\text{C}$ , giá trị thấp nhất là  $15,5^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 14/V tại Sơn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ  $26,0^{\circ}\text{C}$  đến  $37,2^{\circ}\text{C}$ , giá trị cao nhất là  $41,1^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 19/V tại Mường Tè. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng V đến tháng V/2019 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

#### 1.2. Diễn biến về mưa



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V/2018 đến tháng V/2019 tại trạm Điện Biên

- Tổng lượng mưa tháng V/2019 ở khu vực Tây Bắc dao động phổ biến từ 101mm đến 364mm, cao nhất là 501mm xảy ra tại Tam Đường và 544mm tại Shìn Hồ, lượng mưa ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -61mm đến 229mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 27mm đến 129mm, cao nhất là 140mm xảy ra vào ngày 29/V tại Mường Tè.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 8 đến 22 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 6 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng V đến tháng V/2019 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

### ***1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Số giờ nắng tháng V/2019 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -69 giờ đến 79 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 94 giờ đến 276 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2019 dao động từ 69% đến 91%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -10% đến 8%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 18% xảy ra vào ngày 9/V tại Mường Tè.

- Tổng lượng bốc hơi tháng V/2019 có giá trị phổ biến từ 47mm đến 150mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-476mm đến 37mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 3-10mm.

### ***1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Mưa phùn xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 7 ngày

- Gió Tây khô nóng xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 24 ngày trong đó có từ 1 - 18 ngày với cường độ mạnh

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 7 đến 16 ngày

## **2. Vùng Việt Bắc**

### ***2.1. Diễn biến nhiệt độ***

- Nền nhiệt độ không khí tháng V/2019 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ( $0,3^{\circ}\text{C}$  đến  $2,3^{\circ}\text{C}$ ) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

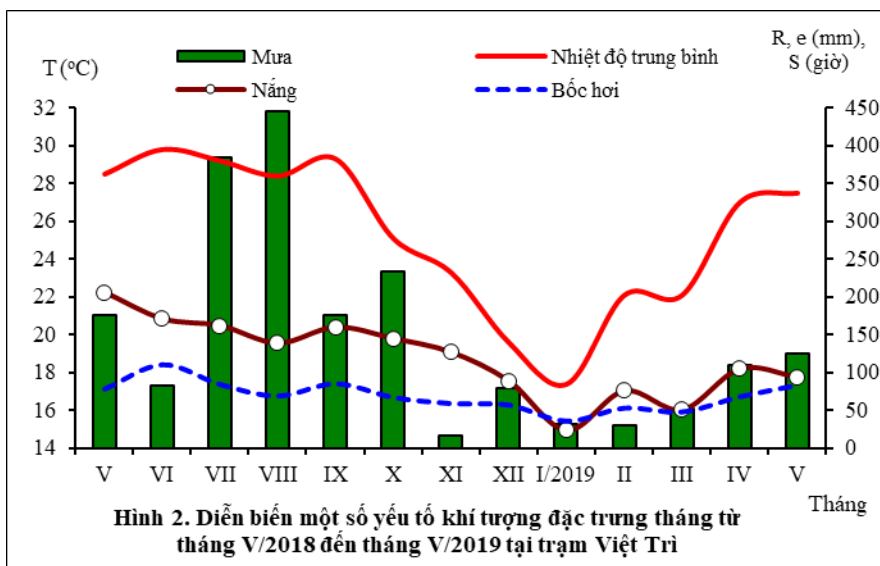
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ  $19,9^{\circ}\text{C}$  đến  $28,4^{\circ}\text{C}$

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 17,5<sup>0</sup>C đến 25,4<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 14,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 1/V tại Sapa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 23,3<sup>0</sup>C đến 32,7<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí cao nhất là 40,2<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 18/V tại Phú Hộ và 19/V tại Việt Trì.

## 2.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 103mm đến 277mm; cao nhất là 928mm tại Bắc Quang, lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh TBNN từ -146mm



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V/2018 đến tháng V/2019 tại trạm Việt Trì

đến 130mm. Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng V đến tháng V/2019 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 14mm đến 148mm, cao nhất là 179mm xảy ra ngày 27/V tại Bắc Quang. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 13 - 24 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 15 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày.

## 2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng V/2019 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 30 giờ đến 225 giờ, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-146 giờ đến 44 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2019 phổ biến từ 78 đến 89%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-4% đến 6%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 33%, xảy ra vào ngày 19/V tại Bắc Hà.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 42mm đến 124mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-883mm đến -34mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 9mm.

## 2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xảy ra ở một số nơi từ 1 – 10 ngày

- Gió tây khô nóng xảy ra ở một số nơi từ 1 – 8 ngày trong đó có từ 1 – 3 ngày cường độ mạnh.
- Đông xảy ra ở một số khu vực từ 4 đến 14 ngày.

### 3. Vùng Đông Bắc

#### 3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ  $-1,0^{\circ}\text{C}$  đến  $0,5^{\circ}\text{C}$ ; có giá trị dao động từ  $23,5^{\circ}\text{C}$  đến  $27,6^{\circ}\text{C}$  (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ  $27,1^{\circ}\text{C}$  đến  $31,4^{\circ}\text{C}$ , giá trị nhiệt độ cao nhất là  $39,5^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào các ngày 19/V tại Lục Ngạn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ  $21,3^{\circ}\text{C}$  đến  $25,5^{\circ}\text{C}$ , giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là  $17,4^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 9/V tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Lễn được thể hiện trên hình 3.

#### 3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng V/2019 dao động phổ biến từ 63mm đến 295mm, cao nhất là 445mm tại Móng Cái, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-97mm đến 58mm) (hình 11).

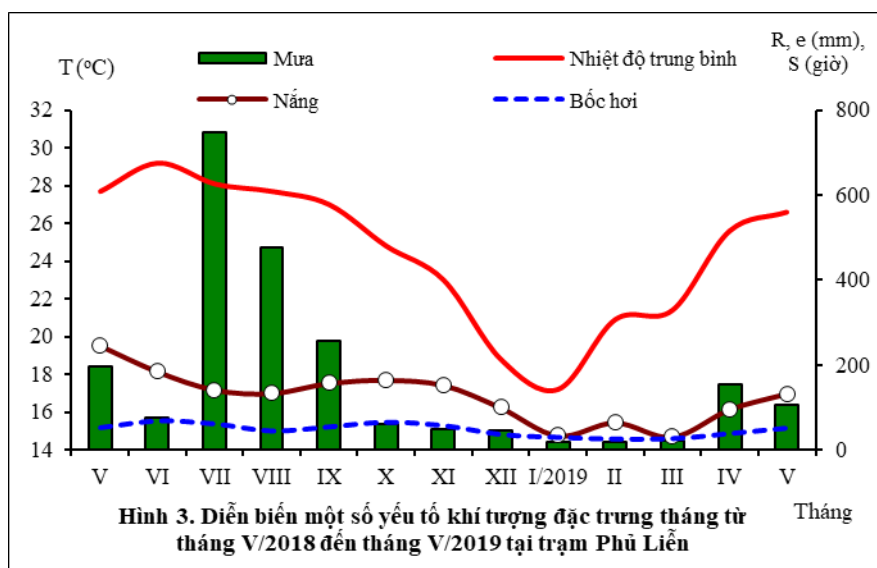
Giá trị lượng mưa

ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 40 đến 171mm, cao nhất là 208mm xảy ra ngày 26/V tại Móng Cái.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 8 - 20 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 12 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Lễn) ở hình 3.

#### 3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng V/2019 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V/2018 đến tháng V/2019 tại trạm Phù Lễn

hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-99 giờ đến -28 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 12 giờ đến 133 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2019 ở các nơi dao động phổ biến từ 80 đến 93%, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 2 đến 6%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 42% xảy ra vào ngày 19/V tại Lục Ngạn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 47mm đến 87mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 4 - 7mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa -215mm đến -10mm ngoại trừ Lục Ngạn có lượng bốc hơi cao hơn lượng mưa 24mm. (hình 14).

### 3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 3 – 9 ngày.

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 4 ngày trong đó có 1 – 2 ngày cường độ mạnh.

- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 4 ngày.

## 4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

### 4.1. Diễn biến nhiệt độ

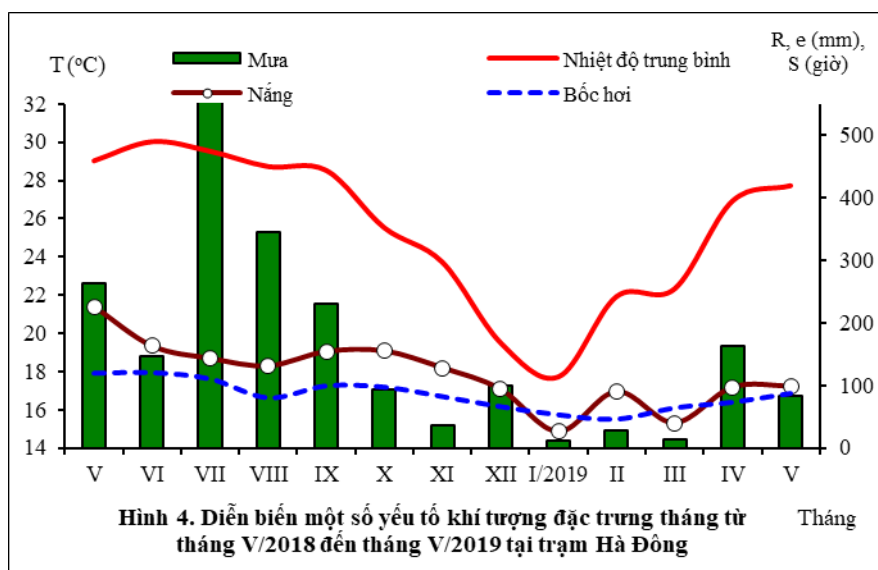
Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 27,2<sup>0</sup>C đến 28,3<sup>0</sup>C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,2<sup>0</sup>C đến 1,0<sup>0</sup>C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất

trung bình tháng từ 29,5<sup>0</sup>C đến 31,8<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 41,3<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 19/V tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 24,7<sup>0</sup>C đến 25,9<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 20,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 9/V tại Sơn Tây. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

### 4.2. Diễn biến về mưa



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V/2018 đến tháng V/2019 tại trạm Hà Đông

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -143mm đến 226mm (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 79mm đến 297mm, cao nhất là 396mm xảy ra tại Nho Quan.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 26 đến 111mm, số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 đến 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 12 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 11 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

#### ***4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Tổng số giờ nắng tháng V/2019 ở các nơi trong vùng dao động từ 96 giờ đến 156 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -99 giờ đến -61 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 79% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-5% đến 4%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 38% xảy ra vào ngày 19/V tại Nho Quan.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 50mm đến 87mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 11mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp giá trị lượng mưa tháng từ -313mm đến -10mm.

#### ***4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Gió tây không nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 6 ngày trong đó có 1 – 3 ngày có cường độ mạnh.

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 5 đến 12 ngày.

- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 đến 6 ngày

### **5. Vùng Bắc Trung Bộ**

#### ***5.1. Diễn biến nhiệt độ***

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,4<sup>0</sup>C đến 2,0<sup>0</sup>C) (hình 10) và có giá trị từ 27,4<sup>0</sup>C đến 29,7<sup>0</sup>C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,6<sup>0</sup>C đến 35,6<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 42,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 20/V tại Con Cuông.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,4<sup>0</sup>C đến 27,2<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,6<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 10/V tại Tĩnh Gia. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

#### ***5.2. Diễn biến về mưa***

- Trong tháng V/2019, phần lớn các khu vực có lượng mưa phổ biến từ 50mm đến 346mm, tổng lượng mưa tháng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN

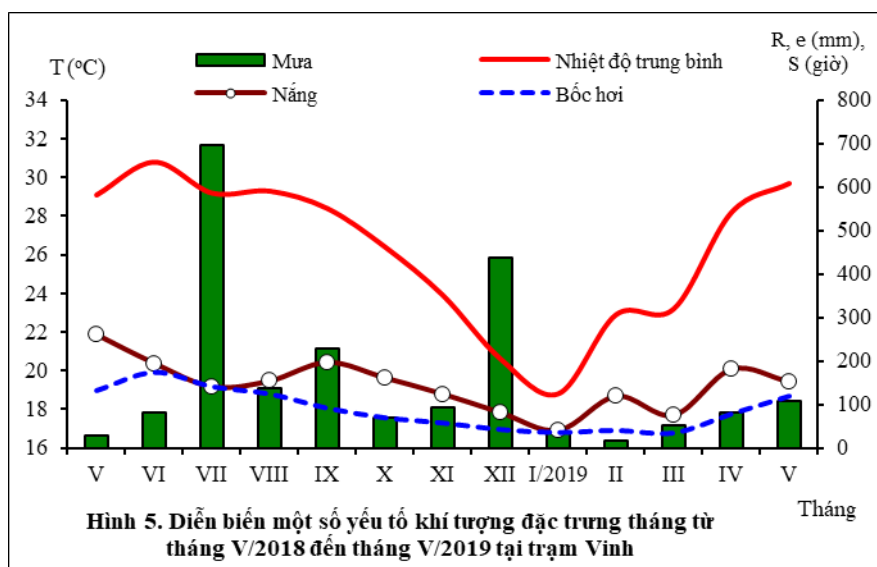
từ -121mm đến 250mm (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 21 đến 130mm, cao nhất là 138mm xảy ra vào ngày 10/V tại Hà Tĩnh.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 - 21 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 10 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

### 5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 129 đến 2161 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -76 giờ đến -20 giờ, hình 12).



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V/2018 đến tháng V/2019 tại trạm Vinh

- Độ ẩm không

khí trung bình tháng phổ biến từ 76% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-5% đến 4%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 31% xảy ra vào ngày 20/V tại Con Cuông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 52mm đến 136mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 4 - 13mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-271mm đến 59mm).

### 5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 17 ngày trong đó có từ 1 – 8 ngày có cường độ mạnh.

- Đông xuất hiện ở một số nơi từ 3 – 16 ngày.

- Mưa phùn xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 3 ngày

## 6. Vùng Trung Trung Bộ

### 6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2019 từ 25,7<sup>0</sup>C đến 30,3<sup>0</sup>C, phổ

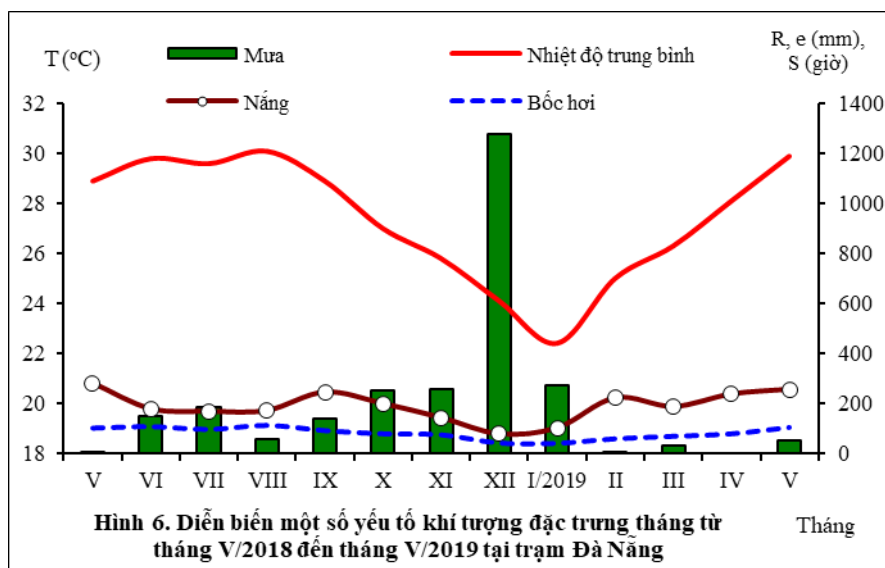
biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ( $0,5^{\circ}\text{C}$  đến  $2,3^{\circ}\text{C}$ ) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ  $32,2^{\circ}\text{C}$  đến  $36,6^{\circ}\text{C}$ , giá trị nhiệt độ cao nhất là  $40,7^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 6/V tại Ba Tơ.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ  $22,2^{\circ}\text{C}$  đến  $27,5^{\circ}\text{C}$ , giá trị nhiệt độ thấp nhất là  $19,6^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 23/V tại A Lưới.

## 6.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa trong tháng V/2019 ở hầu hết các khu vực đều xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ  $-63\text{mm}$  đến  $211\text{mm}$ . Lượng mưa tháng phổ biến từ  $36\text{mm}$  đến  $206\text{mm}$ , cao nhất là  $443\text{mm}$  xảy ra tại Trà My.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V/2018 đến tháng V/2019 tại trạm Đà Nẵng

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ  $10\text{mm}$  đến  $67\text{mm}$ , cao nhất là  $81\text{mm}$  xảy ra vào ngày 10/V tại Tam Kỳ.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 đến 23 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 12 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 9 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng V đến tháng V/2019 trên hình 6.

## 6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 176 giờ đến 258 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN ( $-42$  giờ đến  $17$  giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 73% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ  $-6\%$  đến  $5\%$ ; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 20/V tại Nam Đông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ  $68\text{mm}$  đến  $169\text{mm}$ , lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 14mm. Tổng lượng bốc hơi

tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-375mm đến 122mm).

#### 6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 9 - 24 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 3 - 18 ngày trong đó có 1 - 6 ngày có cường độ mạnh.

### 7. Vùng Nam Trung Bộ

#### 7.1. Diễn biến nhiệt độ

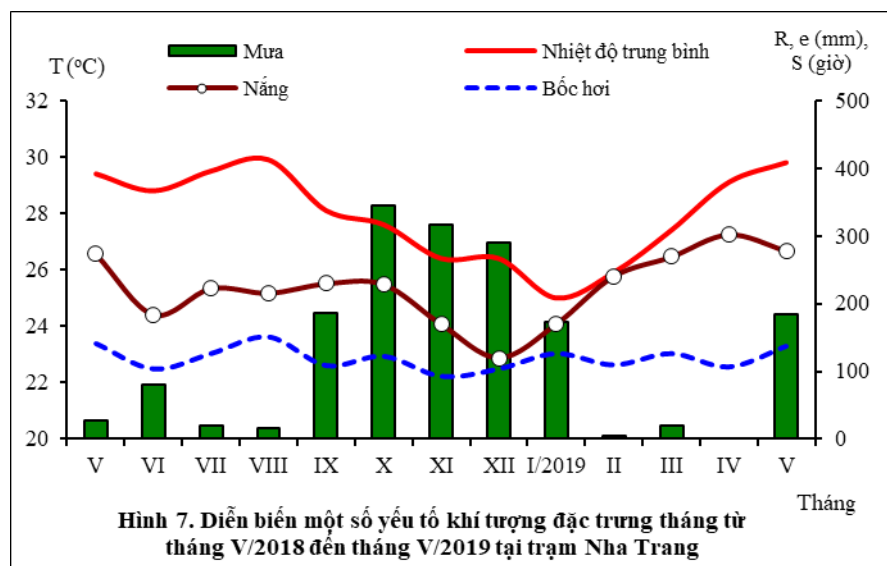
Nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2019 từ 29,4°C đến 30,6°C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,0°C đến 1,7°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 33,4°C đến 36,4°C giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 39,8°C xảy ra vào ngày 6/V tại Tuy Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 25,6°C đến 27,6°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,4°C, xảy ra vào ngày 3/V tại Hoài Nhơn, Tuy Hòa. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng V đến tháng V/2019 được thể hiện trên hình 7.

#### 7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng V/2019, ở hầu hết các khu vực lượng mưa dao động từ 15mm đến 118mm, cao nhất là 184 xảy ra tại Nha Trang. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V/2018 đến tháng V/2019 tại trạm Nha Trang

giá trị TBNN (từ -68mm đến 128mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng V đến tháng V/2019 tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 9mm đến 45mm, cao nhất là 126 xảy ra ngày 8/V tại Nha Trang.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 6 đến 10 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 4 ngày; số ngày không mưa liên tục trong

tháng phổ biến từ 4 đến 13 ngày.

### 7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2019 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 277 giờ đến 314 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (23 giờ đến 42 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 71% đến 78%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -6% đến -3% (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 37% xảy ra vào ngày 6/V tại Tuy Hòa.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 103mm đến 174mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 9mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-46mm đến 81mm).

### 7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 5 - 12 ngày.

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 17 ngày trong đó có 1 - 5 ngày có cường độ mạnh.

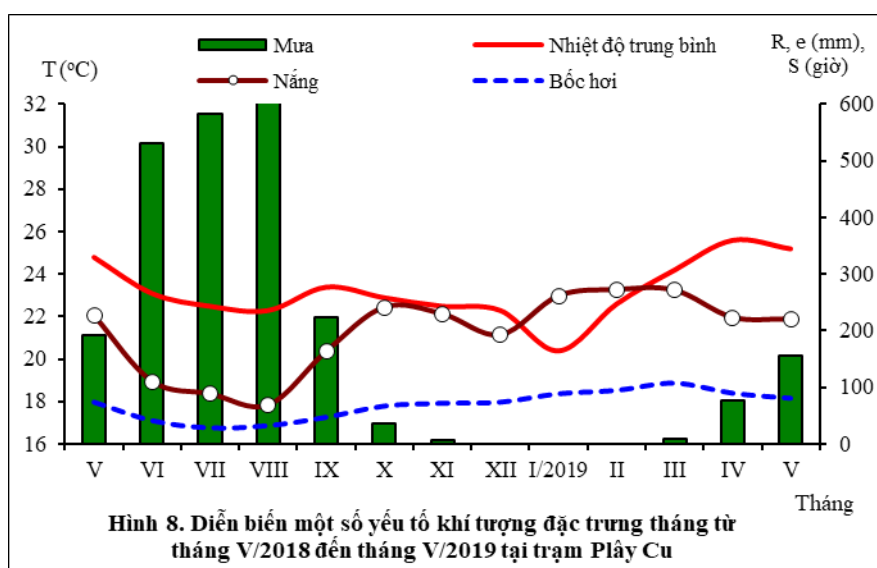
## 8. Vùng Tây Nguyên

### 8.1. Diễn biến nhiệt độ

Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2019 từ 20,9<sup>0</sup>C đến 29,2<sup>0</sup>C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,2<sup>0</sup>C đến 1,8<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 26,6<sup>0</sup>C đến 35,6<sup>0</sup>C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,9<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 1/V tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 17,6 đến 25,7<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 10/V tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng V đến tháng V/2019 ở trạm Plây Cu



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V/2018 đến tháng V/2019 tại trạm Plây Cu

đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

### **8.2. Diễn biến về mưa**

- Tổng lượng mưa tháng V/2019 ở khu vực Tây Nguyên có lượng mưa 155 đến 368mm, cao nhất là 538mm tại Đà Lạt. Lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -80mm đến 313mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 30mm đến 81mm, cao nhất là 104mm xảy ra ngày 10/V tại Liên Khương. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 15 đến 23 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 12 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 11 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng V đến tháng V/2019 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

### **8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Tổng số giờ nắng tháng V/2019 phổ biến từ 182 giờ đến 271 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-19 giờ đến 15 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -4% đến 2% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 77% đến 89%; độ ẩm không khí thấp nhất là 41% xảy ra vào ngày 4/V tại Buôn Ma Thuột.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 34mm đến 130mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 8mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa từ -504mm đến -74mm.

### **8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 4 - 25 ngày.

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 11 ngày với cường độ nhẹ.

## **9. Vùng Nam Bộ**

### **9.1. Diễn biến nhiệt độ**

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2019 từ 27,9<sup>0</sup>C đến 30,2<sup>0</sup>C phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3<sup>0</sup>C đến 1,8<sup>0</sup>C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 33,0<sup>0</sup>C đến 35,2<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,3<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 7/V tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,5<sup>0</sup>C đến 27,4<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,6<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 22/V tại Phước Long.

Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng V đến tháng V/2019 tại trạm Cần Thơ.

### 9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng V/2019 dao động phổ biến từ 97mm đến 410mm. Lượng mưa tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-91mm đến 206mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 27mm đến 125mm.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 12 đến 24 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 11 ngày.

### 9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2019 phổ biến từ 188 giờ đến 270 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-12 giờ đến 43 giờ) (hình 12).

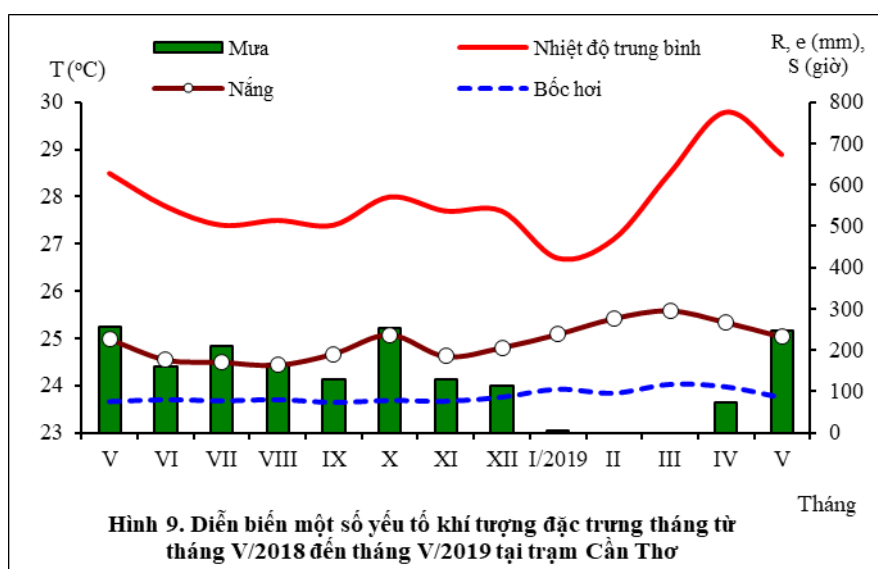
- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 74% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -7% đến 4% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 44% xảy ra vào ngày 1/V tại Sóc Trăng.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 21mm đến 114mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-316mm đến -10mm).

### 9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 26 ngày.

- Gió Tây khô nóng xuất hiện hầu hết các khu vực từ 1 - 18 ngày với cường độ nhẹ.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V/2018 đến tháng V/2019 tại trạm Cần Thơ

## V. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG V/2019

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng V/2019 ở hầu hết các địa phương phía Bắc tương đối thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển. Nền nhiệt và số giờ nắng chủ yếu ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN một ít, lượng mưa và số ngày mưa tăng đảm bảo được cho lúa xuân ở Miền Bắc trở bông, chắc xanh. Bước đầu đánh giá cho thấy lúa đông xuân năm nay có nhiều triển vọng cho năng suất khá. Một số khu vực ở Bắc Trung Bộ đã bắt đầu thu hoạch lúa đông xuân sớm. Tuy nhiên điều kiện thời tiết trong tháng V/2017 cũng thuận lợi cho sâu bệnh phát triển trên diện rộng đặc biệt là bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông, sâu cuốn lá, và các loại rầy trên lúa đông xuân. Ở Miền Nam đã bắt đầu vào mùa mưa do vậy lượng mưa và số ngày mưa tăng đáng kể thuận lợi cho sản xuất lúa hè thu.

Tháng V là tháng bắt đầu mùa mưa, lượng mưa và số ngày mưa tăng hơn so với các tháng trước. Tuy nhiên, hầu hết các khu vực đều bị ảnh hưởng của gió Tây khô nóng, đặc biệt là các tỉnh Tây Bắc, Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ xuất hiện nhiều đợt gió tây khô nóng có cường độ mạnh. Các đợt gió tây khô nóng kết hợp với các đợt nắng nóng kéo dài làm lượng bốc hơi tăng. Một số khu vực ở đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ có lượng bốc hơi cao hơn lượng mưa dẫn đến tình trạng thiếu hụt nước tức thời cho sản xuất nông nghiệp. Số ngày xuất hiện dông tăng, dông, lốc kèm theo mưa lớn gây thiệt hại cho người và hoa màu.

Nhiệm vụ trọng tâm của sản xuất nông nghiệp tháng V là tập trung chủ yếu vào chăm sóc lúa đông xuân ở các địa phương phía Bắc; thu hoạch lúa, hoa màu vụ đông xuân và xuống giống lúa hè thu tại các địa phương phía Nam. Tính đến cuối tháng lúa đông xuân ở các tỉnh đồng bằng Sông Hồng cơ bản kết thúc thời kỳ trở bông, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho lúa muện. Vùng Bắc Trung bộ đã tiến hành thu hoạch và tại các tỉnh miền Nam cơ bản thu hoạch xong lúa đông xuân và chuyển trọng tâm sang vụ hè thu. Hiện tại các tỉnh miền Nam đang tích cực làm đất, xuống giống lúa hè thu và gieo trồng rau màu, cây công nghiệp ngăn ngày vụ hè thu.

### 1. Đối với cây lúa

- Về sản xuất lúa Đông xuân

Tính đến cuối tháng, cả nước gieo cấy được 3.116,5 nghìn ha lúa Đông xuân, bằng 100,2% cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích gieo cấy tại các địa phương phía Bắc ước đạt 1.116,1 nghìn ha, bằng 98,1%; tại các địa phương phía Nam ước đạt 2.000,4 nghìn ha, bằng 101,4%.

*Tại các địa phương phía Bắc*, tình hình sản xuất lúa Đông xuân năm nay diễn ra trong bối cảnh thời tiết diễn biến bất thường so với những năm gần đây, mùa đông nắng ấm, mùa hè lại có mưa phùn và gió mùa. Thời tiết trái vụ gây ra hiện tượng lúa trổ bông và cho thu hoạch sớm so cùng kỳ và làm giảm năng suất.

Theo báo cáo ước tính từ các địa phương phía Bắc, diện tích gieo cấy lúa Đông xuân đạt 1.116,1 nghìn ha, giảm 1,9% so với vụ Đông xuân năm 2018, diện tích thu hoạch ước đạt 376,7 nghìn ha tăng 9,2% so với cùng kỳ, sản lượng tính trên diện tích thu hoạch đạt 2,4 triệu tấn, tăng 10,9%. Từ nay đến khi thu hoạch nếu không có mưa bão và sâu bệnh bất thường thì năng suất toàn vụ ước đạt 63,8 tạ/ha, giảm 0,3 tạ/ha; sản lượng ước đạt 7.128,5 nghìn tấn, giảm 103,4 nghìn tấn. Diện tích gieo trồng lúa Đông xuân giảm ở hầu hết các tỉnh phía Bắc do thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất; chuyển sang trồng loại cây khác hoặc nuôi trồng thủy sản; diện tích còn lại không gieo trồng do thiếu lao động hoặc do thiếu nước tưới.

*Tại các địa phương phía Nam*, tính đến nay, đã thu hoạch được 1.980,2 nghìn ha lúa Đông xuân, đạt 99% diện tích xuống giống và tăng 3% so cùng kỳ năm trước, năng suất thu hoạch đến nay ước đạt 67 tạ/ha, sản lượng ước đạt 13,34 triệu tấn, tăng 0,8% so với cùng kỳ. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã cơ bản thu hoạch xong trên 1,6 triệu ha diện tích gieo trồng lúa Đông xuân; năng suất ước đạt 68,3 tạ/ha, giảm 0,7 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước; sản lượng đạt 10,96 triệu tấn, tăng gần 40 nghìn tấn. Diện tích lúa Đông xuân tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long tăng chủ yếu do chuyển đổi mùa vụ từ lúa Mùa sang lúa đông Xuân tại tỉnh Cà Mau; năng suất giảm do thời tiết không thuận lợi,

- *Lúa hè thu*: Cùng với việc thu hoạch lúa Đông xuân, đến trung tuần tháng V cả nước đã gieo trồng được 1159 nghìn ha lúa Hè thu, trong đó: Các địa phương phía Bắc đã gieo trồng được 28 nghìn ha, phía Nam gieo trồng được 1.131,3 nghìn ha (vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.064,7 nghìn ha, bằng 101,6%). Tiến độ gieo trồng lúa Hè thu năm nay nhanh hơn cùng kỳ do vụ Đông xuân được gieo trồng và thu hoạch sớm. Hiện lúa Hè thu đang ở giai đoạn đẻ

nhánh đến chắc xanh, một số diện tích xuống giống sớm đã cho thu hoạch. Cây lúa sinh trưởng và phát triển tương đối tốt. Tuy nhiên, vụ Hè thu 2019 dự báo sẽ còn nhiều khó khăn do tình hình nắng nóng kéo dài và diễn biến khá phức tạp, đặc biệt nguy cơ hạn hán, thiếu nước tại các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên trong các tháng mùa khô.

## 2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Tính đến trung tuần tháng 5, diện tích gieo trồng ngô cả nước đạt 456,1 nghìn ha, bằng 96,3% cùng kỳ năm trước; khoai lang 68,7 nghìn ha, bằng 93,8%; lạc 136,2 nghìn ha, bằng 95,8%; đậu tương 21,2 nghìn ha, bằng 100,8%; rau đậu các loại 584,1 nghìn ha, bằng 102,5%.

Ở Mộc Châu, Phú Hộ, Ba Vì: Chè đang trong giai đoạn chè lớn búp mù, chè lớn lá thật 1, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá (bảng 1).

Ở khu vực Đồng bằng Bắc Bộ: Ngô đang trong giai đoạn phun râu, trạng thái sinh trưởng khá.

Ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ: Cà phê đang trong giai đoạn hình thành quả, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến tốt.

**Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng V/2019**

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Điện Biên	Lúa chiêm thu hoạch			
2		Văn Chấn	Lúa chiêm chín hoàn toàn	TB	3 cm	
3		Mộc Châu	Chè lớn búp mù	Khá	Âm	
4	Đông Bắc	Lạng Sơn	Ngô phun râu	Khá	TB	
5		Bắc Giang	Lúa chiêm chín hoàn toàn	Khá	3 cm	
6		Uông Bí	Lúa xuân thu hoạch			
7	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn lá thật 1	TB	Âm	
8		Ba Vì	Chè lớn lá thật 1	TB	TB	

9	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Lúa xuân chín hoàn toàn	TB		
10		Hoài Đức	Lúa xuân hè trở bông	TB	3 cm	
			Lạc hình thành củ	Khá	TB	
			Ngô phun râu	Khá	TB	
			Hải Dương	Lúa chiêm chín hoàn toàn	Khá	11 cm
12		Hưng Yên	Lúa xuân chín hoàn toàn	Khá	3 cm	
13		Nam Định	Lúa chiêm chín hoàn toàn	Khá	16 cm	
14		Thái Bình	Lúa xuân chắc xanh	Khá	3 cm	
15		Ninh Bình	Lúa xuân chắc xanh	Khá	3 cm	
16		Bắc Trung Bộ	Thanh Hóa	Lúa chiêm thu hoạch		
17	Yên Định		Lạc hình thành củ	TB	TB	
18	Đô Lương		Lúa xuân thu hoạch			
19	Quỳnh Lưu		Lúa mùa cấy	TB	3 cm	
20	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	Âm	
21	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	Âm	

### 3. Tình hình sâu bệnh

Theo số liệu của Cục Bảo vệ thực vật, diện tích lúa bị nhiễm dịch hại như sau:

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 34.751 ha, nhiễm nặng 4.291 ha, mất trắng 0,98 ha, diện tích phòng trừ 25.666 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh phía Bắc và Duyên Hải Nam Trung bộ.

- **VL-LXL:** Diện tích nhiễm nhẹ 260 ha trên lúa Hè Thu giống lúa IR 50404, Nàng hoa 9 và Đài Thơm 8 giai đoạn đòng-trở.

#### - Bệnh đạo ôn

+ **Bệnh đạo ôn hại lá:** Diện tích nhiễm 10.127 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

+ **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 1.729 ha, mất trắng 1.5 ha. Tập trung các tỉnh phía Bắc.

- **Bệnh khô vằn:** Diện tích nhiễm 87.481 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh

phía Bắc.

- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 6.488 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 8.165 ha, diện tích nhiễm nặng 1.040 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh phía Bắc và Nam bộ.

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích 12.110 ha. Tập trung tại các tỉnh Bắc bộ và Nam bộ.

- **Chuột:** Diện tích hại 5.513 ha. Phân bố nhiều ở các tỉnh phía Bắc và Nam bộ.

## **V. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VI-VIII NĂM 2019**

### **3.1. Nhiệt độ**

Nhiệt độ 3 tháng VI-VIII có khả năng từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở hầu hết diện tích cả nước, với xác suất từ 55 đến trên 77%. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ 0,5 đến trên 1,5oC

### **3.2. Lượng mưa**

Lượng mưa tháng VI - VIII năm 2019 có khả năng từ thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở đa phần diện tích cả nước, với xác suất 44 đến trên 77%. TLM mùa cao hơn ở đa phần Bắc Bộ và Nam Bộ, với xác suất từ 44 đến trên 77%. TLM được dự báo thấp hơn TBNN từ 200 đến trên 400mm ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ, hầu hết Trung Bộ và Bắc Tây Nguyên; thấp hơn từ 0 đến 200mm ở hầu hết Tây Nguyên. TLM được dự báo cao hơn TBNN từ 0 đến trên 200mm ở đa phần Bắc Bộ và hầu hết khu vực Nam Bộ.

### **3.3. Hiện tượng cực đoan**

Hoạt động của XTNĐ trong mùa bão năm 2019: Số lượng XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến đất liền nước ta có khả năng ở mức thấp hơn TBNN. Mùa bão năm 2019 có khả năng đến muộn hơn; bão tập trung hoạt động nhiều hơn vào các tháng cuối mùa và ảnh hưởng nhiều hơn đến khu vực Trung Bộ.

- Điều kiện khô/hạn: Hiện nay, điều kiện khô hạn đang xảy ra ở khu vực Tây Bắc và Trung Bộ. Điều kiện khô hạn ở khu vực Trung Bộ được nhận định kéo dài đến hết tháng VIII năm 2019

## **V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của

cây trồng trong tháng V và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng VI/2019 và dự báo khí hậu 3 tháng VI, VII, VIII/2019 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

### **1. Miền Bắc**

- Tình hình khí tượng nông nghiệp trong tháng cơ bản thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của lúa, tuy nhiên với lượng mưa tháng còn thấp nên cần có các biện pháp cung cấp nước cho các cây trồng cần phát triển tốt hơn;

- Các loại sâu bệnh gây hại với diện hẹp, tuy nhiên cũng cần tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, hạn chế sự lây lan và bùng phát trên diện rộng.

### **2. Miền Nam**

- Thu hoạch phần còn lại của lúa đông xuân, tập trung làm đất, xuống giống lúa hè thu và gieo trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu;

- Tích cực phòng trừ các loại sâu bệnh hại trên lúa và các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

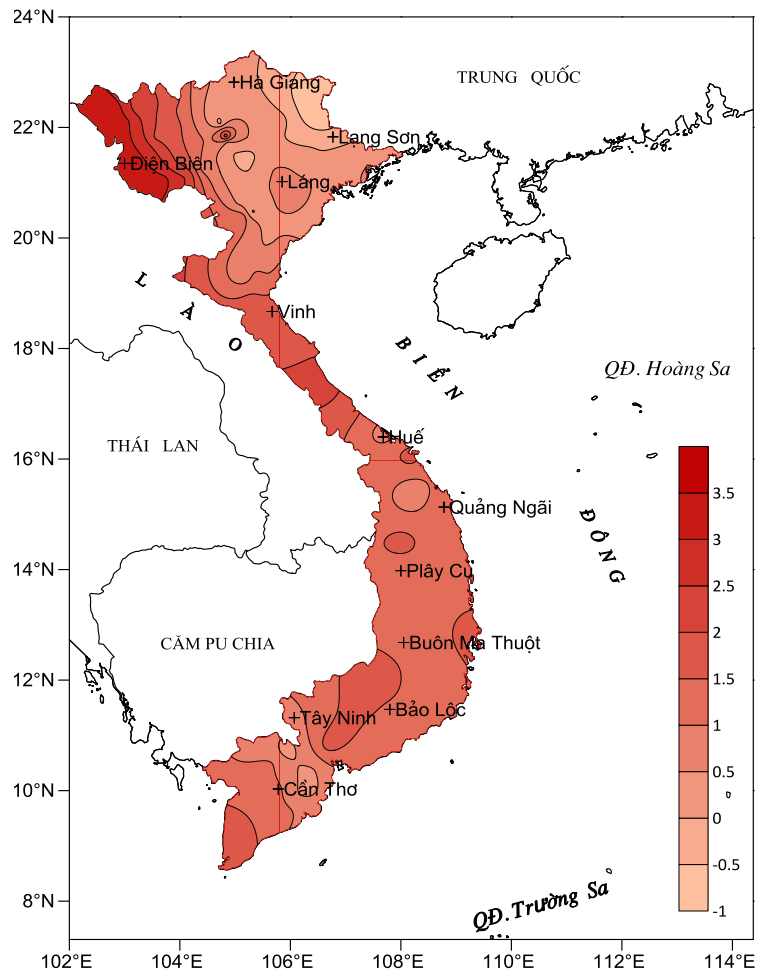
- Gieo sạ tập trung theo lịch thời vụ nhằm né các đợt rầy nâu di trú, tăng cường sử dụng giống lúa không lẫn tạp, có nguồn gốc rõ ràng

## **V. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

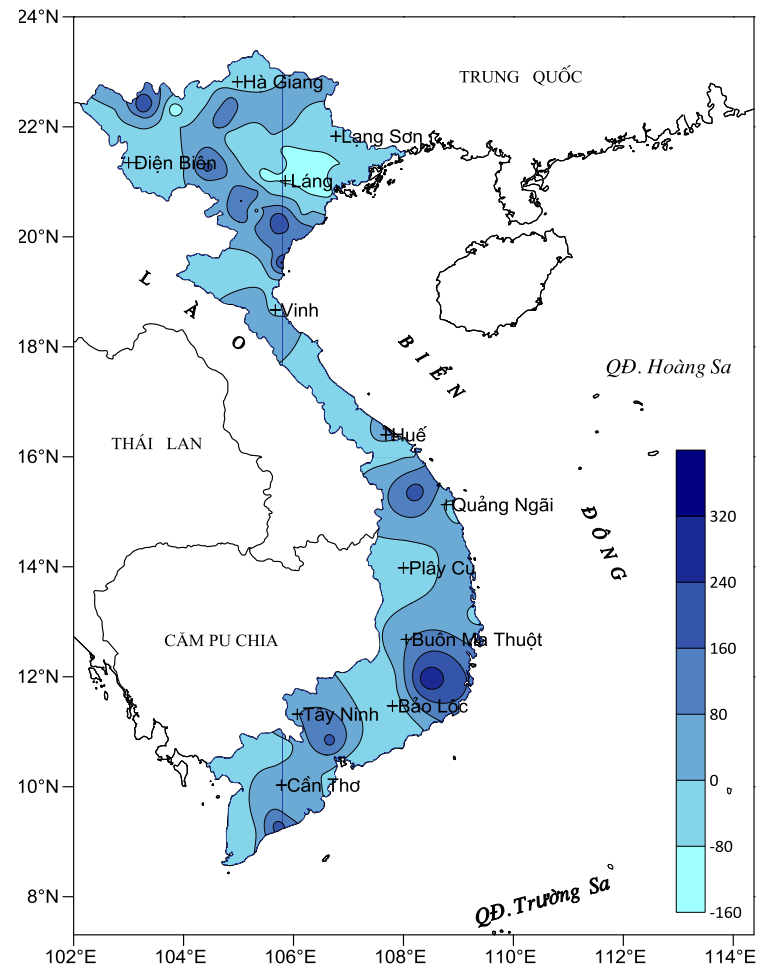
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng VI, VII, VIII năm 2019;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng VI năm 2019 các khu vực trên phạm vi cả nước;

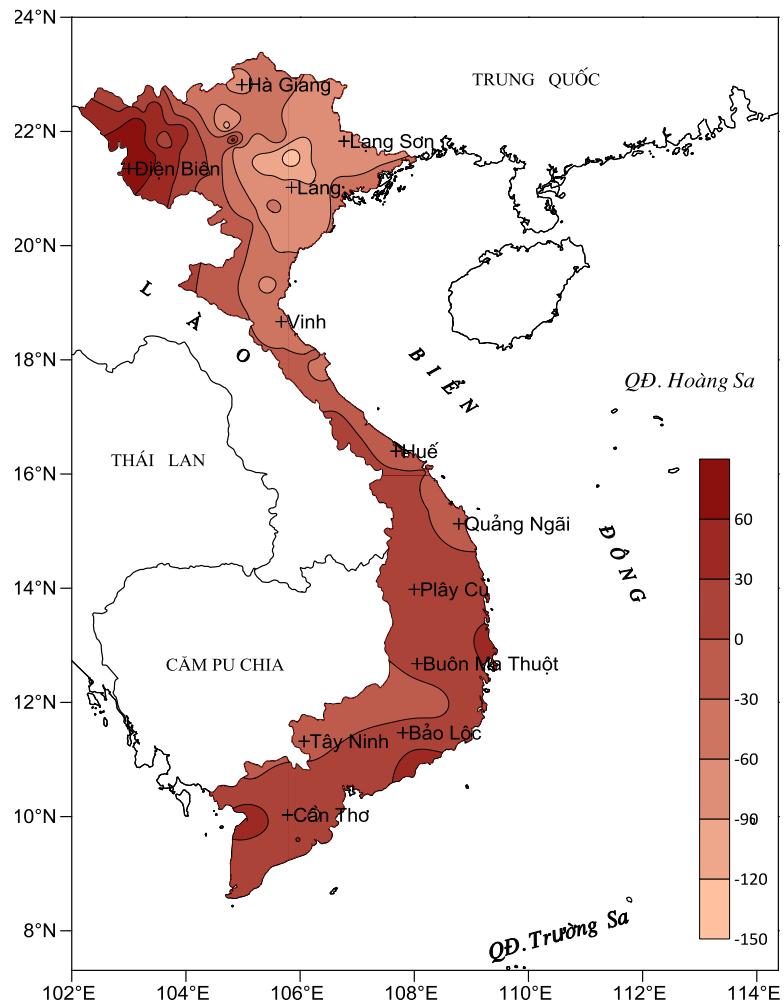
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng V năm 2019 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



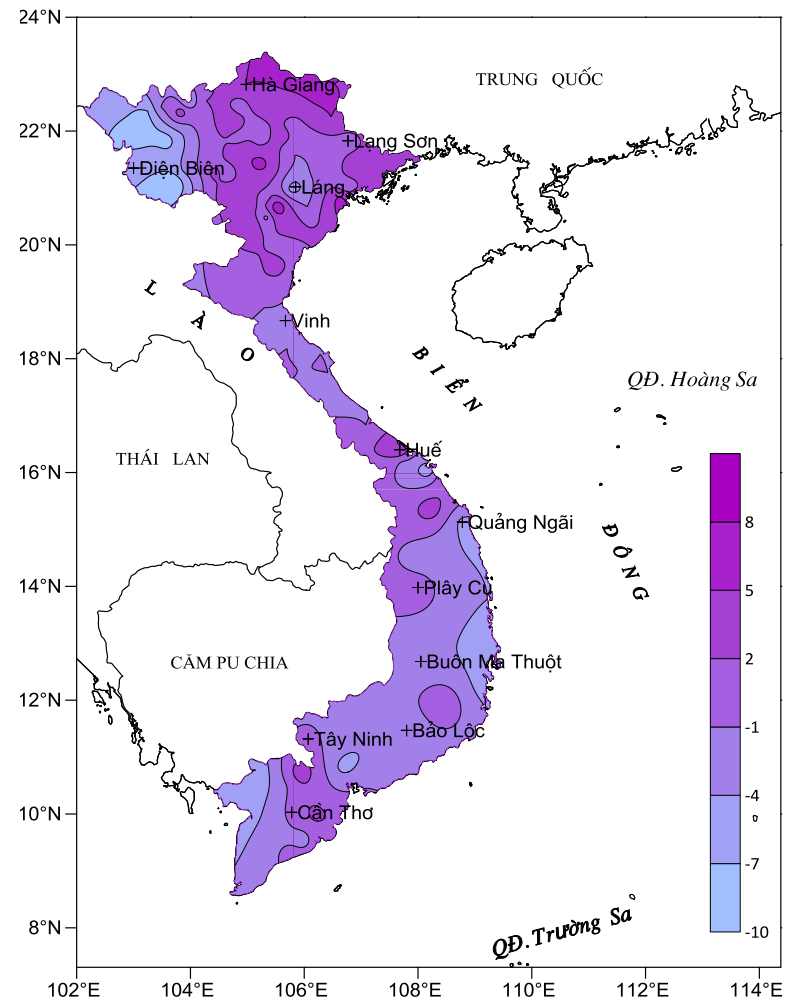
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng V/2019 so với TBNN (°C)



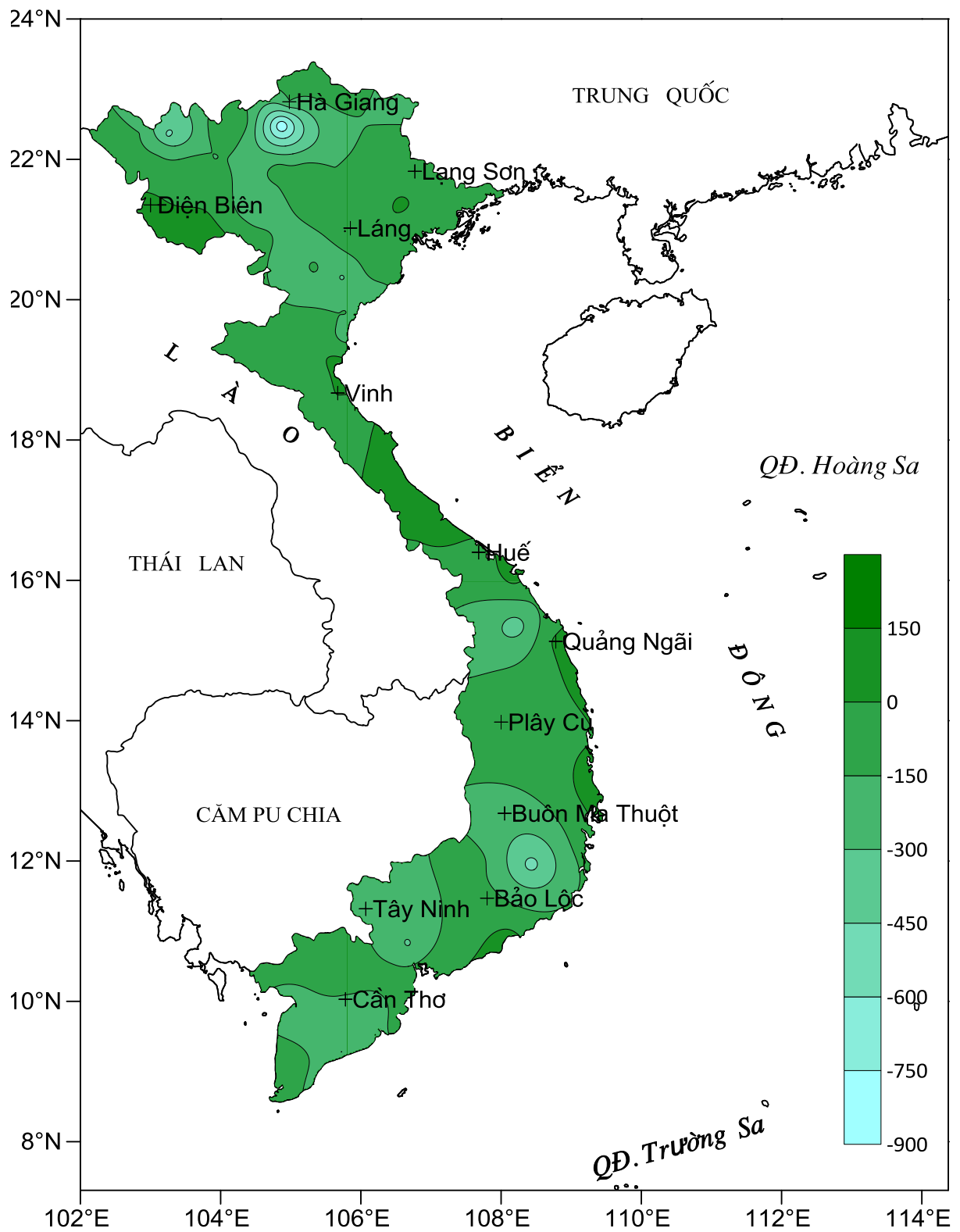
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng V/2019 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng V/2019 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng V/2019 so với TBNN (%)



**Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng V/2019 (mm)**